| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TY-TỈNH YÊN BÁI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-01-2024
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY,TỈNH YÊN BÁI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Phú Duy.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Đức Khâm

Bà Nguyễn Thị Mai Thu

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Anh Đào – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái*** *tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 30-01-2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2023/TLST-HNGĐ ngày 12-10-2023 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-12-2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11-01-2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm 2000. "Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt".

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

*2. Bị đơn:* Anh Phạm Văn N, sinh năm 1989. "Vắng mặt lần thứ hai không có lý do".

Địa chỉ: Thôn 6A, xã V, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-10-2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr và anh Phạm Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 12-12-2019. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến cuộc sống bế tắc, không tìm được tiếng nói chung, không ai quan tâm đến ai. Nay chị

Trang xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện TY giải quyết cho anh được ly hôn anh Phạm Văn N.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr và anh Phạm Văn N không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TY đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ. Tuy nhiên bị đơn anh Phạm Văn N không có mặt tại Tòa án và không có bản tự khai. Đồng thời nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng Dân sự, quyền và lợi ích của đương sự được đảm bảo. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr được ly hôn anh Phạm Văn N.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr và anh Phạm Văn N không có con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY. Tòa án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Phạm Văn N có đăng ký hộ khẩu tại Thôn 6A, xã V, huyện TY, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền Tr thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr vắng mặt tại phiên toà có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr và anh Phạm Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 12-12-2019 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến cuộc sống bế tắc, không tìm được tiếng nói chung, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái đã thông báo nhiều lần nhưng bị đơn anh Nam không đến Tòa, không có bản tự khai gửi cho Toà án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị Trang, anh Nam đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho chị Nguyễn Thị Huyền Tr được ly hôn anh Phạm Văn N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr và anh Phạm Văn N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do anh Nam chưa có lời khai nên chưa có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản và nợ chung.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY tại phiên toà là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr được ly hôn anh Phạm Văn N.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba

trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0001983 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Yên Bái ngày 12-10-2023.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phú Duy**